



xiǎo yí zi

小姨子

noun · wife's younger sister; sister-in-law

Example Sentences

Wǒ xiǎo yí zi shì gè lǎo shī

我小姨子是个老师。

My wife's younger sister is a teacher.

Xiǎo yí zi cháng lái wǒ jiā chī fàn

小姨子常来我家吃饭。

My sister-in-law often comes to my house for meals.

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小						
姨	姨	姨	姨	姨	姨	姨	姨	姨	姨	姨	姨
子	子	子	子	子	子						